

Số: 26/2008/NQ-HĐND

Pleiku, ngày 26 tháng 9 năm 2008

11

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thông qua khung mức thu phí vệ sinh áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**  
**KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU (BẮT THƯỜNG)**  
(Ngày 26 tháng 9 năm 2008)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2677/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quy định khung mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ Mười sáu (bắt thường), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua khung mức thu phí vệ sinh áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai như nội dung Tờ trình số 2677/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

**1. Khung mức thu phí vệ sinh áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai:**

TT	Đối tượng thu	Khung HĐND quy định
1	Hộ gia đình không kinh doanh	Tối đa không quá 15.000 đồng/hộ/tháng
2	Hộ buôn bán nhỏ	Tối đa không quá 30.000 đồng/hộ/tháng
3	Hộ buôn bán vừa	Tối đa không quá 60.000 đồng/hộ/tháng
4	Hộ buôn bán lớn	Tối đa không quá 90.000 đồng/hộ/tháng
5	Cửa hàng kinh doanh ăn uống	Tối đa không quá 150.000 đồng/cửa hàng/tháng
6	Nhà hàng, khách sạn	Tối đa không quá 140.000 đồng/m <sup>3</sup> rác
7	- Trường học, nhà trẻ, văn phòng làm việc và cửa hàng kinh doanh của các doanh	- Tối đa không quá 100.000 đồng/đơn vị/tháng

	nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp. - Riêng đơn vị hành chính sự nghiệp dùng chung văn phòng (trụ sở liên cơ)	- Tối đa không quá 50.000 đồng/đơn vị/tháng
8	Nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, bến xe, chung cư	Tối đa không quá 140.000 đồng/m <sup>3</sup> rác
9	Công trình XD/CB dở dang	Tối đa không quá 120.000 đồng/m <sup>3</sup> rác

## 2. Đối tượng thu nộp:

a. Phí vệ sinh là khoản thu nhằm bù đắp 1 phần hoặc toàn bộ chi phí đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn. Đối tượng nộp phí là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải phục vụ.

b. Cơ quan, đơn vị thu phí bao gồm: là tổ chức, cá nhân thực hiện chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

## 3. Chế độ thu nộp:

a. Phí vệ sinh do các đơn vị sự nghiệp nhà nước có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải thu là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, đơn vị thu phí được để lại toàn bộ (100%) số phí thu được để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải và hoạt động thu phí.

b. Phí vệ sinh do các đơn vị là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm cá nhân, cá nhân, hộ gia đình thực hiện là phí không thuộc ngân sách nhà nước. Mức phí qui định tại **mục 1** là đơn giá dịch vụ; số tiền phí thu được là doanh thu của đơn vị thu phí, đơn vị thu phí phải kê khai nộp thuế theo qui định của pháp luật thuế hiện hành.

## 4. Nội dung bãi bỏ, thay thế:

Bãi bỏ nội dung quy định về phí vệ sinh tại Quyết định số 115/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quyết định và tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa IX, nhiệm kỳ 2004-2009, Kỳ họp thứ Mười sáu (bất thường) thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2008 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Xây dựng; Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP UBND tỉnh (đăng Công báo);
- TT HĐND, UBND cấp huyện;
- Lưu: VT-HĐND, (HL.150).

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Thu**